

Bản án số: 51/2023/HC-PT

Ngày: 15/02/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 273/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 121/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 671/2023/QĐPT-HC ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Đặng Văn V, vắng mặt; địa chỉ: Thôn 7A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Văn H, vắng mặt; địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1970, có đơn xin xét xử vắng mặt; địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đình C – Phó Chủ tịch, có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn T – Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Đặng Văn V; ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Nguyễn Như H đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 07/11/1998, gia đình ông Đặng Văn V nhận sang nhượng của ông Hà Văn H1 01 lô đất tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với diện tích đất khoảng 6 ha giá sang nhượng thỏa thuận. Nguồn gốc lô đất được ông H1 khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1994 không bị cơ quan nào ngăn cấm không có biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Từ khi nhận sang nhượng gia đình ông V canh tác và sản xuất ổn định trên lô đất. Đến năm 2007 gia đình ông V trồng được 2.000 cây cao su trên một phần diện tích đất, phần còn lại trồng cây hoa màu và lúa hàng năm. Đến năm 2008 gia đình ông V sang nhượng lại cho ông Lê Văn H một phần diện tích đất khoảng 03 ha phần còn lại của gia đình ông vẫn sử dụng ổn định.

Năm 2010 lô đất này của ông H và ông V được Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk đo đạc tách làm 03 thửa: Thửa đất số 01, diện tích 22.113,3m², thửa đất số 02 diện tích 22.810,2m², thửa đất số 03 diện tích 41.960,3m². Sau khi đo đạc xong cán bộ địa chính xã đã lập thủ tục cấp GCNQSDĐ và cho biết mỗi thửa đất của ông H và ông V phải nộp 20 triệu đồng để làm bìa đỏ. Tại thời điểm này chỉ có ông Lê Văn H đóng 20 triệu đồng thì được cấp một phần diện tích đất có GCNQSDĐ số: BA 693802 thửa đất số 01 tờ bản đồ 00 diện tích 21.113m² do UBND huyện E cấp ngày 16/3/2011 mang tên ông Lê Văn H, phần còn lại thửa số 02, diện tích 22.810,2m² và thửa 03, diện tích 41.960,3m² chưa được cấp GCNQSDĐ.

Ngày 04/5/2018, ông Đặng Văn V có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ. Ngày 05/6/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk xác định đo đạc lại 02 thửa đất trên. Đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ 00 chuyển thành thửa đất số 01, tờ bản đồ 26, diện tích 19.344,4m² thửa này của ông V đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp trích lục và hiện tại ông V đang lập thủ tục cấp GCNQSDĐ đất.

Riêng thửa 03 đo đạc năm 2010 tờ bản đồ 00, diện tích 41.960,3m². Năm 2018 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk đo đạc lại tách ra thành 02 thửa 48, diện tích 12.873,4m² và thửa 49 diện tích 21.818,9m² 02 thửa này chưa được cấp trích lục lý do UBND huyện E quy hoạch dự án khu tái định canh hồ chứa

nước K thượng nên Văn phòng đăng ký đất đai chưa phê duyệt trích lục thửa đất cho gia đình ông V.

Ngày 21/6/2021, lô đất của ông V, ông H tại thửa đất số 48, 49 bị UBND huyện E lấy để giao cho dân tái định canh định cư. Đất của gia đình ông V đã nhận sang nhượng của ông Hà Văn H1 từ năm 1998. Sau đó ông V sang nhượng một phần cho ông H. Từ khi nhận sang nhượng ông V, ông H vẫn sử dụng ổn định không tranh chấp đất lấn chiếm của ai, nay UBND huyện E lấy lô đất này của gia đình ông V, ông H mà không có quyết định thu hồi đất, không có thông báo thu hồi đất hay văn bản nào khác và không đền bù cho gia đình ông V, ông H là vi phạm pháp luật đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, ông H, ông V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy bỏ Công văn số 1934/UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện E. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án đền bù, bồi thường tổng diện tích đất là 34.692,3m² trên cho gia đình Đặng Văn V và ông gia đình ông Lê Văn H đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

- Ngày 16/7/2021, UBND huyện E nhận Phiếu chuyển đơn số 6481/UBND-TNMT của UBND tỉnh chuyển về giao UBND huyện E giải quyết theo thẩm quyền (đơn do Tỉnh uỷ chuyển đến). Trong quá trình giải quyết đơn, UBND huyện tiếp tục nhận được đơn của ông V và ông H gửi Bộ Công an; Văn phòng Chính phủ do UBND tỉnh chuyển về tại Công văn số 8352/UBND-NNMT ngày 01/9/2021. Nội dung đơn trình bày trùng với đơn UBND tỉnh chuyển về UBND huyện giải quyết ngày 16/7/2021.

- Theo nội dung đơn tố cáo đề ngày 01/7/2021 gửi các cấp thì ông V và ông H cho rằng diện tích đất 54.036m² của ông H và ông V chưa được bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng UBND huyện đã tổ chức cho nhân dân cày, bừa sản xuất xâm phạm đến tài sản của 02 ông. Thực chất là đơn kiến nghị việc UBND huyện không bồi thường diện tích đất theo đơn trình bày của 02 ông.

Kết quả giải quyết như sau:

Về nguồn gốc đất: Theo nội dung ông V, ông H trình bày thì năm 1998 ông V mua của ông Hà Văn H1 01 lô đất khoảng 6 ha. Năm 2008 ông V chuyển nhượng lại cho ông H 03 ha, phần còn lại của gia đình ông. Qua xác minh và kiểm tra tại Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện E lưu trữ thì GCNQSDĐ số BA693802 thửa đất số 0,1 tờ bản đồ 00, diện tích 22.113m² do UBND huyện cấp ngày 16/3/2011 cho hộ ông Lê Văn H. Trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ, ông H kê khai về nguồn gốc đất là do ông tự khai hoang vào năm 2000 và không có thể hiện mua bán chuyển nhượng từ ông V và ông H1. Như vậy, nguồn gốc đất các ông cho rằng mua của ông H1 vào năm 1998 là không đúng.

Trích lục các thửa đất ông V và ông H cung cấp và trình bày theo đơn có ký hiệu bản đồ, số hiệu thửa đất các ông tự nhận và cho rằng thửa 03, Sở địa chính đo năm 2010, tờ bản đồ 00, diện tích 41.960,3m² còn lại, tách 02 thửa, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, diện tích 12.873m² và thửa đất số 49 tờ bản đồ số 26, diện tích 21.818,9m² (tổng diện tích = 34.691,9m²) theo yêu cầu đo đạc năm 2018. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E không thực hiện đo đạc 02 thửa đất trên. Không có cơ sở pháp lý cho rằng đã được cơ quan có chức năng đo đạc trích lục thửa đất theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ông V và H lấy 02 trích lục tự mô tả thửa đất và tờ bản đồ không đúng quy định, làm cơ sở yêu cầu UBND huyện E thu hồi, bồi thường hoặc trả lại diện tích 54.035,9m² đất 2 ông tự nhận là không đúng pháp luật đất đai quy định.

Căn cứ hồ sơ pháp lý thiết kế, thẩm định, thi công công trình đường giao thông liên thôn chạy từ đầu ngã ba Cây Chay thuộc thôn 1 xã C đến điểm cuối tại ngã ba Ông Võ, thôn 6B, xã C thì:

- Ngày 28/5/2010, UBND xã C bàn giao đất công do xã quản lý cho Chủ đầu tư là BQLDA huyện E thực hiện dự án theo bản vẽ được cấp thẩm quyền phê duyệt, để làm đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 4,2 km (gồm trục 1 và trục 2), Trong đó trục 2 tuyến đường đi ngang qua khu tái định cư số 1 và cánh đồng lúa nước, với điểm đầu từ ngã ba Cây Chay thuộc thôn 1, xã C đến điểm cuối tại ngã ba Ông Võ, thôn 6B, xã C, thiết kế đường đất, có mặt cắt là 10m, mặt đường cấp phối có bề rộng 6m. Trong quá trình thi công cho đến khi hoàn thành vào ngày 01/03/2011 thì UBND huyện E, BQLDA huyện và UBND xã C không nhận được bất kỳ ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo nào của tổ chức hoặc cá nhân, ông V và ông H liên quan đến việc tổ chức thi công con đường đi qua (theo sơ đồ kèm theo đơn của ông thì con đường này đi trên phần đất của ông V và ông H tự nhận). Do đó, việc các ông cho rằng UBND huyện thu hồi đất, không bồi thường để chia cho các hộ tái định cư như đơn trình bày là không đúng.

Căn cứ hồ sơ pháp lý, thiết kế, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thi công công trình khai hoang, xây dựng đồng ruộng, hệ thống kênh mương và tổ chức giao đất cho các hộ thuộc diện tái định canh, tái định cư thì:

- Công trình khai hoang xây dựng cánh đồng lúa nước nói trên được UBND huyện E phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công ngày 31/12/2014 với tổng diện tích 200 ha, được UBND xã C bàn giao mặt bằng đợt 1 ngày 04/5/2015, với diện tích 80 ha là đất công do UBND xã quản lý. Hiện trạng trên đất là rừng dầu non tái sinh.

- UBND huyện đã giao cho BQLDA huyện khai hoang xây dựng đồng ruộng lúa nước điểm tái định cư số 1 được triển khai thi công từ ngày 04/5/2015

đến ngày 01/2/2016 đã nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 1. Trong đó, có diện tích đất ông V và ông H tự nhận, đã hoàn thành khai hoang, xây dựng đồng ruộng và xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho 80/200 ha. Trong quá trình thi công công trình không có ông H, ông V và tổ chức cá nhân nào khiếu nại, khiếu kiện việc xây dựng công trình trên. Mặt khác, BQLDA huyện đã chụp dữ liệu ảnh vệ tinh thể hiện khu vực đất này là rừng tái sinh, không có dấu hiệu tổ chức sản xuất tại khu vực 80 ha đất công UBND xã bàn giao cho BQLDA thực hiện dự án khai hoang, xây dựng đồng ruộng (có diện tích đất ông V và H tự nhận). Đồng thời, tại Bản đồ phúc tra hiện trạng rừng ngày 04/7/2012 và các hồ sơ liên quan, khu vực quy hoạch cánh đồng lúa nước diêm tái định cư số 1 thuộc tiểu khu 688 và TK 694 có hiện trạng là rừng dầu non tái sinh đã được các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt đúng pháp luật trước khi thi công công trình.

- Năm 2017, UBND huyện đã bàn giao đất lúa nước 02 vụ đợt 2 cho 64 hộ dân (thôn 15, xã C) và việc bàn giao được lập Biên bản kết quả bóc thăm xác định vị trí giao đất đối với từng hộ gia đình. Tại vị trí đất 2 ông tự nhận đã được khai hoang, san ủi đồng ruộng, xây dựng kênh mương tưới và giao đất cho 8 hộ di dân tái định cư của thôn 15, xã C năm 2017.

Như vậy, qua xác minh kiểm tra và hồ sơ tài liệu thu thập được cho thấy từ khi thiết kế thi công tổ chức khai hoang, san ủi đồng ruộng, xây dựng hệ thống kênh mương tưới, tổ chức bóc thăm, giao đất cho các hộ dân tái định canh, không có bất kỳ ý kiến khiếu kiện nào của hộ ông V và ông H tại khu vực đất này. Việc ông cho rằng thừa đất mà UBND huyện đã giao đất cho 8 hộ dân thôn 15, xã C để sản xuất lúa nước năm 2017 nằm trên thừa đất của 2 ông tự nhận là không có cơ sở.

Qua rà soát các kết luận thanh tra và quyết định giải quyết khiếu nại về tình hình quản lý sử dụng đất khu quy hoạch tái định canh, tái định cư số 1 trên địa bàn xã C. Kết luận thanh tra số 334 ngày 26/10/2016; Kết luận thanh tra số 403 ngày 7/12/2016 của UBND huyện E và Quyết định giải quyết khiếu nại số 35 ngày 15/01/2018 của 12 hộ dân tại xã C thì đất của hộ ông Lê Văn H và hộ ông Đặng Văn V đã được đề cập xử lý ở diện tích và vị trí khác mà không có diện tích 54.036m² tự nhận như đơn trình bày.

Việc các ông cho rằng UBND huyện cướp đất của 02 ông để tổ chức cho các hộ dân sản xuất vào ngày 21/6/2021 là không có căn cứ. Năm 2017, UBND huyện đã bàn giao đất lúa nước 02 vụ đợt 2 cho 64 hộ dân (thôn 15, xã C) và việc bàn giao được lập Biên bản kết quả bóc thăm xác định vị trí giao đất đối với từng hộ gia đình (02 thửa đất các ông tự nhận UBND huyện đã giao cho 8 hộ năm 2017). Do một số hộ dân chưa tổ chức sản xuất. Đến tháng 5/2021, khu tái định cư số 1, thực hiện di dân của xã C, huyện E và xã Cur San, huyện M về khu

tái định cư số 1, xã C có 106 hộ dân đến. UBND huyện đã thành lập Tổ tự quản lâm thời, thành lập HTX thủy nông, Tổ hướng dẫn sản xuất đồng thời vận động nhân dân tổ chức sản xuất lúa kịp mùa vụ, để có lương thực đảm bảo ổn định cuộc sống tại nơi ở mới, không để lãng phí đất đai được giao theo quy định và ông H, ông V ra nhận đất trái phép và ngăn cản không cho 8 hộ dân thôn 15, xã C sản xuất. Do đó, UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã C mời 2 ông về trụ sở làm việc, theo Biên bản lập ngày 16/6/2021, yêu cầu 02 ông chấm dứt hành vi cản trở sản xuất của dân. Việc ông cho rằng ngày 21/6/2021, UBND huyện E bắt ngờ thu hồi đất, cướp đất của các ông là không đúng.

Quan điểm của UBND huyện E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, ông V. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của ông Đặng Văn V và ông Lê Văn H.

Với nội dung trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 121/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 1 Điều 158, điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V, Lê Văn H về yêu cầu hủy bỏ Công văn số 1934/UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện E, buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án đền bù, bồi thường tổng diện tích đất là 34.692,3m² cho ông Đặng Văn V và ông Lê Văn H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/10/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn V, Lê Văn H với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự khác có đơn xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử, xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là đúng pháp luật, ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đặng Văn V, Lê Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

[1] Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự khác có đơn xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của của ông Đặng Văn V, Lê Văn H, thấy:

[2.1] Ông V, ông H trình bày năm 1998 ông V mua của ông Hà Văn H1 01 lô đất khoảng 6 ha. Năm 2008 ông V chuyển nhượng lại cho ông H 3 ha, phần còn lại của gia đình ông. Qua xác minh và kiểm tra tại Chi nhánh VPĐKQSDĐ huyện E lưu trữ thì GCNQSDĐ số BA693802 thửa đất số 01, tờ bản đồ 00, diện tích 22.113m² do UBND huyện cấp ngày 16/3/2011 cho hộ ông Lê Văn H. Trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ, ông H kê khai về nguồn gốc đất là do ông tự khai hoang vào năm 2000 và không có thể hiện mua bán chuyển nhượng từ ông V và ông H1. Như vậy, nguồn gốc đất các ông cho rằng mua của ông H1 vào năm 1998 là không đúng. Trích lục các thửa đất ông V và ông H cung cấp và trình bày theo đơn có ký hiệu bản đồ, số hiệu thửa đất các ông tự nhận và cho rằng thửa đất số 03, Sở địa chính đo năm 2010, tờ bản đồ 00, diện tích 41.960,3m² còn lại, tách 02 thửa, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, diện tích 12.873m² và thửa đất số 49 tờ bản đồ số 26, diện tích 21.818,9m² (tổng diện tích = 34.691,9m²) theo yêu cầu đo đạc năm 2018. Ông V và H lấy 02 trích lục tự mô tả thửa đất và tờ bản đồ không đúng quy định, làm cơ sở yêu cầu UBND huyện E thu hồi, bồi thường hoặc trả lại diện tích 54.035,9 m² đất 02 ông tự nhận là không đúng pháp luật đất đai quy định. Theo hồ sơ thiết kế, thẩm định, thi công công trình đường giao thông liên thôn chạy từ đầu ngã ba Cây Chay thuộc thôn 1, xã C đến điểm cuối tại ngã ba Ông Võ, thôn 6B, xã C thì: - Ngày 28/5/2010, UBND xã C bàn giao đất công do xã quản lý cho Chủ đầu tư là BQLDA huyện E thực hiện dự án theo bản vẽ được cấp thẩm quyền phê duyệt, để làm đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 4,2 km (gồm trục 1 và trục 2), Trong đó trục 2 tuyến đường đi ngang qua khu tái định cư số 1 và cánh đồng lúa nước, với điểm đầu từ ngã ba Cây Chay thuộc thôn 1, xã C đến điểm cuối tại ngã ba Ông Võ, thôn 6B, xã C, thiết kế đường đất, có mặt cắt là 10m, mặt đường cấp phối có bề rộng 6m. Trong quá trình thi công cho đến khi hoàn thành vào ngày 01/03/2011 thì UBND huyện E, BQLDA huyện và UBND xã C không nhận được bất kỳ ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo nào của tổ chức hoặc cá nhân, ông V và ông H liên quan đến việc tổ chức thi công con đường đi qua (theo sơ đồ kèm theo đơn của ông thì con đường này đi trên phần đất của ông V và ông H tự

nhận). Do đó, việc các ông cho rằng UBND huyện thu hồi đất, không bồi thường để chia cho các hộ tái định cư như đơn trình bày là không đúng.

[2.2] Căn cứ hồ sơ, thiết kế, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thi công công trình khai hoang, xây dựng đồng ruộng, hệ thống kênh mương và tổ chức giao đất cho các hộ thuộc diện tái định canh, tái định cư thấy: Công trình khai hoang xây dựng cánh đồng lúa nước nói trên được UBND huyện E phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công ngày 31/12/2014 với tổng diện tích 200 ha, được UBND xã C bàn giao mặt bằng đợt 1 ngày 04/5/2015, với diện tích 80 ha là đất công do UBND xã quản lý. Hiện trạng trên đất là rừng dầu non tái sinh. UBND huyện đã giao cho BQLDA huyện khai hoang xây dựng đồng ruộng lúa nước điểm tái định cư số 1 được triển khai thi công từ ngày 04/5/2015 đến ngày 01/2/2016 đã nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 1. Trong đó, có diện tích đất ông V và ông H tự nhận, đã hoàn thành khai hoang, xây dựng đồng ruộng và xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho 80/200 ha. Trong quá trình thi công công trình không có ông H, ông V và tổ chức cá nhân nào khiếu nại, khiếu kiện việc xây dựng công trình trên. Mặt khác, BQLDA huyện đã chụp dữ liệu ảnh vệ tinh thể hiện khu vực đất này là rừng tái sinh, không có dấu hiệu tổ chức sản xuất tại khu vực 80 ha đất công UBND xã bàn giao cho BQLDA thực hiện dự án khai hoang, xây dựng đồng ruộng (có diện tích đất ông V và H tự nhận). Đồng thời, tại Bản đồ phúc tra hiện trạng rừng ngày 04/7/2012 và các hồ sơ liên quan, khu vực quy hoạch cánh đồng lúa nước điểm tái định cư số 1 thuộc tiểu khu 688 và TK 694 có hiện trạng là rừng dầu non tái sinh đã được các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt đúng pháp luật trước khi thi công công trình. Năm 2017, UBND huyện đã bàn giao đất lúa nước 02 vụ đợt 2 cho 64 hộ dân (thôn 15, xã C) và việc bàn giao được lập Biên bản kết quả bốc thăm xác định vị trí giao đất đối với từng hộ gia đình. Tại vị trí đất 2 ông tự nhận đã được khai hoang, san ủi đồng ruộng, xây dựng kênh mương tưới và giao đất cho 8 hộ di dân tái định cư của thôn 15, xã C năm 2017.

[2.3] Như vậy, qua xác minh kiểm tra và hồ sơ tài liệu thu thập được cho thấy từ khi thiết kế thi công tổ chức khai hoang, san ủi đồng ruộng, xây dựng hệ thống kênh mương tưới, tổ chức bốc thăm, giao đất cho các hộ dân tái định canh, không có bất kỳ ý kiến khiếu kiện nào của hộ ông V và ông H tại khu vực đất này. Việc ông cho rằng thừa đất mà UBND huyện đã giao đất cho 8 hộ dân thôn 15, xã C để sản xuất lúa nước năm 2017 nằm trên thửa đất của 02 ông tự nhận là không có cơ sở. Qua rà soát các kết luận thanh tra và quyết định giải quyết khiếu nại về tình hình quản lý sử dụng đất khu quy hoạch tái định canh, tái định cư số 1 trên địa bàn xã C. Kết luận thanh tra số 334 ngày 26/10/2016; Kết luận thanh tra số 403 ngày 7/12/2016 của UBND huyện E và Quyết định giải quyết khiếu nại số 35 ngày 15/01/2018 của 12 hộ dân tại xã C thì đất của hộ ông

Lê Văn H và hộ ông Đặng Văn V đã được đề cập xử lý ở diện tích và vị trí khác mà không có diện tích 54.036m² tự nhận như đơn trình bày. Việc các ông cho rằng UBND huyện cướp đất của 2 ông để tổ chức cho các hộ dân sản xuất vào ngày 21/6/2021 là không có căn cứ. Năm 2017, UBND huyện đã bàn giao đất lúa nước 02 vụ đợt 2 cho 64 hộ dân (thôn 15, xã C) và việc bàn giao được lập Biên bản kết quả bóc thăm xác định vị trí giao đất đối với từng hộ gia đình (02 thửa đất các ông tự nhận UBND huyện đã giao cho 8 hộ năm 2017). Do một số hộ dân chưa tổ chức sản xuất. Đến tháng 5/2021, khu tái định cư số 1, thực hiện di dân của xã C, huyện E và xã Cư San, huyện M về khu tái định cư số 1, xã C có 106 hộ dân đến. UBND huyện đã thành lập Tổ tự quản lâm thời, thành lập HTX thủy nông, Tổ hướng dẫn sản xuất đồng thời vận động nhân dân tổ chức sản xuất lúa kịp mùa vụ, để có lương thực đảm bảo ổn định cuộc sống tại nơi ở mới, không để lãng phí đất đai được giao theo quy định và ông H, ông V ra nhận đất trái phép và ngăn cản không cho 8 hộ dân thôn 15, xã C sản xuất. Do đó UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã C mời 02 ông về trụ sở làm việc, theo Biên bản lập ngày 16/6/2021, yêu cầu 02 ông chấm dứt hành vi cản trở sản xuất của dân. Việc ông cho rằng ngày 21/6/2021, UBND huyện E bắt ngờ thu hồi đất, cướp đất của các ông là không đúng.

[3] Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm của ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H không cung cấp thêm chứng cứ nào mới khác, do vậy bác kháng cáo của ông V và ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện của ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 121/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H về yêu cầu hủy bỏ Công văn số 1934/UBND ngày 10/9/2021 của UBND

huyện E, buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án đền bù, bồi thường tổng diện tích đất là 34.692,3m² cho ông Đặng Văn V và ông Lê Văn H.

Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm ông Đặng Văn V, Lê Văn H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ tiền tạm ứng án phí ông V, ông H đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020036 và AA/2021/0020037 ngày 17/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông V, ông H đã nộp theo Biên lai thu số 0022480 ngày 19/10/2022 và Biên lai thu số 0022479 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đặng Văn V, ông Lê Văn H đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn